

miễn nhiệm, bãi nhiệm theo đề nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao sau khi thống nhất với Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam.

3. Hội thẩm nhân dân Tòa án nhân dân địa phương do Hội đồng nhân dân cùng cấp bầu theo sự giới thiệu của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cùng cấp và do Hội đồng nhân dân cùng cấp miễn nhiệm, bãi nhiệm theo đề nghị của Chánh án Tòa án nhân dân cùng cấp sau khi thống nhất với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cùng cấp.

4. Hội thẩm quân nhân Tòa án quân sự quân khu và tương đương do Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam cử theo sự giới thiệu của cơ quan chính trị quân khu, quân đoàn, quân chủng, tổng cục hoặc cấp tương đương và do Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam miễn nhiệm, bãi nhiệm theo đề nghị của Chánh án Tòa án quân sự quân khu và tương đương sau khi thống nhất với cơ quan chính trị quân khu, quân đoàn, quân chủng, tổng cục hoặc cấp tương đương.

5. Hội thẩm quân nhân Tòa án quân sự khu vực do Chủ nhiệm chính trị quân khu, quân đoàn, quân chủng, tổng cục hoặc cấp tương đương cử theo sự giới thiệu của cơ quan chính trị sư đoàn hoặc cấp tương đương và do Chủ nhiệm chính trị quân khu, quân đoàn, quân chủng, tổng cục hoặc cấp tương đương miễn nhiệm, bãi nhiệm theo đề nghị của Chánh án Tòa án quân sự khu vực sau khi thống nhất với cơ quan chính trị sư đoàn hoặc cấp tương đương.

Điều 31.- Nhiệm kỳ của Hội thẩm nhân dân Tòa án nhân dân tối cao và Hội thẩm quân nhân là năm năm, kể từ ngày được cử.

Nhiệm kỳ của Hội thẩm nhân dân Tòa án nhân dân địa phương theo nhiệm kỳ của Hội đồng nhân dân cùng cấp.

Điều 32. - Cơ quan Nhà nước, đơn vị vũ trang nhân dân, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội có người được bầu hoặc cử làm Hội thẩm có trách nhiệm tạo điều kiện để Hội thẩm làm nhiệm vụ.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 33.- Pháp lệnh này có hiệu lực từ ngày 15 tháng 8 năm 1993.

Những quy định trước đây trái với Pháp lệnh này đều bãi bỏ.

Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao trong phạm vi chức năng của mình có trách nhiệm hướng dẫn thi hành Pháp lệnh này.

T.M. Ủy ban Thường vụ Quốc hội
nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Chủ tịch
NÔNG ĐỨC MẠNH

CHÍNH PHỦ

NGHỊ QUYẾT của Chính phủ số 20-CP ngày 5-5-1993 về việc đẩy mạnh công tác phòng chống nhiễm HIV/SIDA.

Nhiễm HIV/SIDA (Hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải), đại dịch của thế kỷ đã lan tràn trên khắp các lục địa, gây ảnh hưởng to lớn đối với kinh tế và xã hội, tính mạng và sức khỏe nhân dân của từng quốc gia.

Tại Việt Nam, trường hợp HIV đầu tiên được phát hiện từ tháng 12 năm 1990, đến nay số nhiễm HIV được phát hiện đã tăng lên nhiều (tính đến 21 tháng 4 năm 1993, số người bị nhiễm HIV/SIDA được phát hiện là 304, gồm 229 người Việt Nam và 75 người nước ngoài, có 7 bệnh nhân SIDA). Đối tượng nhiễm HIV/SIDA chủ yếu là người nghiện xì ke ma túy và gái mại dâm, ở 13 tỉnh, thành phố, nhiều nhất là thành phố Hồ Chí Minh.

Như vậy nhiễm HIV/SIDA đang thực sự trở thành vấn đề xã hội nghiêm trọng ở nước ta. Thực tiễn nay đòi hỏi phải huy động mọi lực lượng xã hội cùng tham gia việc phòng, chống với những biện pháp đồng bộ và có hiệu quả.

Chính phủ yêu cầu các cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội từ Trung ương đến địa phương nghiêm chỉnh thực hiện các biện pháp sau:

1. Các cấp chính quyền, các tổ chức xã hội phải thấy rõ tính chất nguy hại của bệnh SIDA đã xâm nhập và có xu hướng phát triển ở nước ta, đe dọa sức khỏe nhân dân, ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế, xã hội; làm cho mọi người hiểu rõ phòng chống SIDA là nhiệm vụ cấp bách của mọi công dân Việt Nam, để có ý thức đầy đủ trong việc tự bảo vệ cho mình và cho xã hội, tham gia phòng chống SIDA.

Phải gắn liền việc phòng chống SIDA với phòng chống các tệ nạn nghiện trich ma túy và mại dâm,

vì hai tệ nạn này là môi trường thuận lợi cho việc lan truyền mạnh mẽ nhiễm HIV/SIDA trong cộng đồng. Các cơ quan đảm nhiệm các công việc trên ở các cấp cần có kế hoạch thống nhất chỉ đạo, nắm tình hình và báo cáo kịp thời với Chính phủ.

Các cấp chính quyền, đoàn thể từ Trung ương đến địa phương coi việc phòng, chống SIDA là một trọng tâm công tác; theo chức năng, nhiệm vụ của mình, vạch chương trình hành động phòng, chống SIDA, đầu tư nguồn lực (nhân lực, phương tiện, ngân sách) vào việc phòng, chống căn bệnh này.

Việc chỉ đạo cấp tích cực, thường xuyên ở mọi địa phương, song chú trọng đi vào chiều sâu, giáo dục và vận động nhân dân giải quyết các vấn đề một cách thiết thực, tránh làm ồn ào, hình thức.

2. **Đẩy mạnh việc giáo dục, thông tin, truyền thông** thường xuyên về nguy cơ nhiễm HIV/SIDA trong toàn xã hội, trọng tâm là thanh niên nam nữ và những đối tượng có nguy cơ nhiễm bệnh cao (nghiện trịch ma túy, mại dâm...) ở những địa phương có người nhiễm HIV/SIDA, các đầu mối giao lưu quan trọng. Công tác thông tin, giáo dục, truyền thông cần đa dạng: qua hệ thống thông tin đại chúng cho cả nước, theo chuyên ngành (y tế, du lịch...), qua các đoàn thể nhân dân ở cơ sở. Tăng cường giáo dục phòng chống SIDA trong các trường học. Các đoàn thể quần chúng (Đoàn Thanh niên, Hội Liên hiệp phụ nữ, Hội Chữ thập đỏ...) có vai trò rất quan trọng trong việc giáo dục vận động quần chúng, tạo chuyển biến trong thế hệ trẻ và nhân dân.

Đôn đốc việc triển khai thực hiện Nghị định số 16-CP của Chính phủ ngày 18 tháng 12 năm 1992; ban hành và phổ biến các Thông tư liên Bộ để đưa nội dung Nghị định vào cuộc sống, có điều chỉnh cho phù hợp với thực tế hiện nay.

3. Bộ Y tế có kế hoạch triển khai các biện pháp phòng chống nhằm đáp ứng với tình hình dịch phát triển, phòng tránh lây lan nhiễm HIV/SIDA qua các cơ sở y tế Nhà nước và tư nhân.

Giám sát đúng mục tiêu, trọng điểm, tập trung vào các đối tượng có nguy cơ lây truyền qua đường máu, tiêm chích. Tăng cường giám sát các đối tượng mại dâm để phòng lây lan qua đường tình dục. Giám sát các cơ sở y tế trực tiếp tiếp xúc với người nhiễm HIV/SIDA.

Bảo đảm nghiêm ngặt công tác vô trùng trong các bệnh viện và các dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu. Tập trung làm tốt ở những cơ sở truyền máu, cơ sở chăm sóc và điều trị bệnh nhân nhiễm HIV/SIDA, các khoa ngoại, răng hàm mặt.

Thủ trưởng các đơn vị y tế chịu trách nhiệm về việc bảo đảm vô trùng trong dịch vụ y tế của đơn vị mình. Tăng cường chế độ kiểm tra vô trùng, tiết trùng trong các cơ sở dịch vụ y tế, cung cấp đầy đủ các phương tiện vô trùng, tiết trùng cho các cơ sở phòng bệnh và chữa bệnh. Tổ chức tuyên truyền giáo dục, tư vấn về SIDA trong ngành y tế.

Thực hiện an toàn trong tiếp nhận máu và truyền máu ở tất cả các cơ sở truyền máu trong toàn quốc. Cung cấp trang thiết bị, bổ túc cán bộ, giáo dục ý thức phòng bệnh đối với người cho máu.

Tổ chức phát hiện, chẩn đoán, điều trị bệnh nhân SIDA tại khoa truyền nhiễm của các bệnh viện. Khi số lượng bệnh nhân nhiều, mở rộng chăm sóc điều trị bệnh nhân ở các cơ sở chuyên khoa lao, da liễu, các trung tâm cai nghiện, phục hồi nhân phẩm.

4. Chính phủ coi việc phòng chống SIDA như phòng chống thiên tai, địch họa, nên sẽ cấp ngân sách bổ sung cho hoạt động phòng chống SIDA.

Bộ Y tế và Ủy ban Quốc gia phòng chống SIDA tập hợp đề nghị bổ sung ngân sách của các Bộ, các địa phương, thống nhất với Bộ Tài chính để trình Thủ tướng Chính phủ duyệt. Trước mắt cần giải quyết ngân sách cho những nhu cầu khẩn cấp.

5. Chỉ định bộ phận thường trực của Ủy ban Quốc gia phòng chống SIDA gồm lãnh đạo các Bộ Y tế, Nội Vụ, Lao động - Thương binh và xã hội, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh để đôn đốc hoạt động thường xuyên và đề ra các biện pháp cần thiết phòng chống SIDA, kết hợp chặt chẽ 3 chương trình phòng chống SIDA, ma túy và mại dâm.

Hàng quý, bộ phận thường trực của Ủy ban Quốc gia phòng chống SIDA tổ chức họp kiểm điểm đánh giá việc thực hiện kế hoạch của các cơ quan thành viên dưới sự chủ trì của Thủ tướng hoặc Phó Thủ tướng Chính phủ.

Phân công trách nhiệm cụ thể như sau:

- Ủy ban Quốc gia phòng chống SIDA báo cáo tình hình, đề xuất chủ trương, biện pháp phòng chống, làm đầu mối tổ chức điều phối các hoạt động phòng chống SIDA trong cả nước.

- Bộ Y tế chỉ đạo việc giám sát, tổ chức các điều kiện chăm sóc và phòng bệnh, điều trị người nhiễm HIV/SIDA.

- Bộ Văn hóa-Thông tin, Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam và các cơ quan thông tin đại chúng khác có trách nhiệm thông tin giáo dục truyền thông về phòng chống SIDA trong

cả nước. Ủy ban Quốc gia phòng chống SIDA cung cấp thông tin và kiến thức, biện pháp phòng chống.

- Bộ Lao động - Thương binh và xã hội tổ chức các cơ sở tập trung chữa bệnh và dạy nghề cho các đối tượng nghiện chích ma túy, mại dâm, tạo điều kiện để Bộ Y tế thực hiện nhiệm vụ giám sát, chăm sóc người nhiễm HIV/SIDA tại các cơ sở tập trung.

- Bộ Nội vụ có trách nhiệm chỉ đạo kiểm tra, kiểm soát các đối tượng tệ nạn xã hội.

- Bộ Tư pháp chủ trì việc nghiên cứu, đề xuất, giải quyết các vấn đề liên quan đến pháp luật, triển khai Nghị định số 16-CP ngày 18-12-1992 và Thông tư liên Bộ về phòng chống SIDA.

Chủ tịch Ủy ban Quốc gia phòng chống SIDA và Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ, các cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ để thi hành Nghị quyết này.

T.M. Chính phủ
Thủ tướng
VÔ VĂN KIẾT

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 21-CP ngày 8-5-1993 về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Ban Biên giới của Chính phủ.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Để tăng cường công tác quản lý Nhà nước về biên giới, lãnh thổ quốc gia, bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trên đất liền, trên biển, trên không, các hải đảo và thềm lục địa Việt Nam;

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Biên giới của Chính phủ và Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. - Ban Biên giới của Chính phủ là cơ quan thuộc Chính phủ, có chức năng quản lý Nhà

nước và chỉ đạo công tác biên giới, lãnh thổ quốc gia, xác định chủ quyền và các quyền của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trên đất liền, trên biển, trên không, các hải đảo và thềm lục địa Việt Nam.

Điều 2. - Ban Biên giới của Chính phủ có nhiệm vụ và quyền hạn sau:

1. Giúp Chính phủ xác định biên giới quốc gia, các vùng biển và thềm lục địa Việt Nam, xác định phạm vi chủ quyền và các quyền của Việt Nam đối với các hải đảo, các vùng biển, thềm lục địa và vùng trời;

2. Nghiên cứu, đề xuất chủ trương ký kết, phê chuẩn các điều ước quốc tế liên quan đến vấn đề biên giới, lãnh thổ, vấn đề quản lý vùng biển, vùng trời, thềm lục địa Việt Nam;

3. Chủ trì soạn thảo các phương án hoạch định biên giới quốc gia, xác định ranh giới vùng đặc quyền về kinh tế và thềm lục địa của Việt Nam với các nước láng giềng liên quan;

4. Hướng dẫn, chỉ đạo và tổ chức thực hiện việc phân giới và cắm mốc quốc giới trên cơ sở các Hiệp ước hoạch định biên giới quốc gia được ký kết giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam với các nước láng giềng; chủ trì soạn thảo và trình Chính phủ quy chế biên giới với các nước láng giềng và tổ chức hướng dẫn thực hiện quy chế biên giới đã được ký kết với các nước đó;

5. Chủ trì soạn thảo và trình Chính phủ các chính sách và quy định về quản lý biên giới, lãnh thổ quốc gia, các vùng biển, thềm lục địa và vùng trời Việt Nam để Chính phủ xem xét và ban hành; tự ban hành hoặc cùng các ngành hữu quan ban hành trong phạm vi thẩm quyền của mình các văn bản hướng dẫn thi hành các quy định của Chính phủ có liên quan đến việc quản lý biên giới, lãnh thổ quốc gia, các vùng biển, thềm lục địa và vùng trời Việt Nam; theo dõi, kiểm tra việc thực hiện các văn bản đã ban hành;

6. Kiểm tra, theo dõi, tổng hợp tình hình tranh chấp ở các khu vực biên giới đất liền, trên các vùng biển, thềm lục địa, các hải đảo và vùng trời Việt Nam để trình Chính phủ các phương án giải quyết;

7. Trình Chính phủ xử lý hoặc hướng dẫn xử lý theo thẩm quyền các vấn đề phát sinh trong các hoạt động của các ngành, các địa phương liên quan đến chủ quyền, các quyền thuộc chủ quyền và lợi ích quốc gia trên đất liền, các hải đảo, trên các